Trận Bình Giã, 1964

Trần Ngọc Toàn, K16

Nhiều người cứ nghĩ trận Bình Giã là một trận đánh bình thường; nhưng thật sự, đây là một mặt trận do VC chủ xướng từ giữa tháng 12 năm 1964 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 1964, sau ngày Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị sát hại. Lúc bấy giờ, Trung Tướng Cao Văn Viên là Tư Lệnh Quân Đoàn III, trong khi Đại Tá Linh Quang Chiêu làm Đặc Khu Trưởng Đặc Khu Long Lễ.

Dân chúng sống trong Ấp Chiến Lược Bình Giã là dân Thanh Hóa Nghệ Tĩnh, có tinh thần chống Cộng rất cao, di cư vào Nam năm 1954. Xứ đạo này được bố trí ở một vị trí chiến lược, chặn ngay con đường xâm nhập của VC chuyển hàng từ Bắc vào Nam. Từ trước đến nay, không có tên du kích VC nào dám héo lánh đến làng. Nhưng đối với đơn vị lớn của CS thì đây là mục tiêu cần loại bỏ. Do đó, năm 1960, VC đã thành lập Sư Đoàn 9, do Trần Đình Xu chỉ huy, với 3 Trung Đoàn Q760, 761, 762, khi chúng bắt đầu xâm nhập miền Nam. Lợi dụng tình hình chính trị bất ổn ở Sài Gòn, sau khi Tổng Thống Diệm bị đảo chánh, ngày 1-11-1963; VC đã dùng cả Trung đoàn Q760 chiếm trọn làng Bình Giã, vào trung tuần tháng 12 năm 1964.

Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến là đơn vị trừ bị cuối cùng của Quân Đoàn III, được trực thăng vận đổ vào mặt trận, từ Biên Hoà, phối hợp với 2 tiểu đoàn (-) Biệt Động Quân, để tái chiếm Bình Giã. Dù không có Pháo Binh nhưng nhờ trực thăng võ trang của Lục Quân Hoa Kỳ, từ Vũng Tàu bay lên yểm trợ, TĐ4 TQLC cùng với TĐ33 BĐQ, đã tái chiếm làng Bình Giã, đẩy lui và gây thiệt hại cho một Trung Đoàn Q760 của VC.

Đêm 30-12-1964, lực lượng VC lại tấn công làng Bình Giã, góc phía Đông Nam, nhưng cũng bị đẩy lui với tổn thất. Khi yểm trợ, một chiếc trực thăng Hoa Kỳ bị bắn rớt trong vườn cao su Quảng Giao, cách Bình Giã 3 km đường chim bay. Sáng ngày 31, TĐ4 TQLC được lệnh vào rừng cao su tìm lấy xác phi hành đoàn trực thăng Hoa Kỳ, gồm 2 sĩ quan và 2 hạ sĩ quan. Với tin tức do Cha Xứ Đạo cho biết có cả 2, 3 trung

Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 4 TQLC một tuần trước khi lâm trận Bình Giã, 1964.

đoàn VC quanh vùng, Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Nguyễn Văn Nho từ chối không cho đơn vị dưới quyền vào mục tiêu, nếu không được Pháo Binh và Không Quân yểm trợ.

Lúc này, quanh Sài Gòn, sau vụ đảo chánh 1.11.63, mấy vị Tướng đã bỏ mặc chiến cuộc cho các sĩ quan dưới quyền, vốn chẳng biết gì chiến trận, điều quân khiển tướng. Cuối cùng , do áp lực từ Bộ Tổng Tham Mưu, TĐ4 TQLC phải hành quân vào khu vực tìm bốn tử thi Hoa Kỳ, dù không có Pháo Binh và Không Quân yểm trợ, ngoài trực thăng của Hoa Kỳ. Khi tìm thấy xác trực thăng và phi hành đoàn tử thương, Hoa Kỳ chỉ nhận bốn xác của mình và từ chối bốc 12 TQLC tử thương khi vào trận. Trong khi chờ đợi tải thương, VC điều động quân bao vây TĐ4 TQLC giữa rừng cao su Quảng Điền. (*Chi tiết*

xin xem Mặt trận Bình Giã của Trần Ngọc Toàn, đăng trong Đa Hiệu 110.)

Tôi bảo người lính mang máy truyền tin của đại đội cứ chạy về làng Bình Giã, vì tôi bị trúng 2 phát đạn vào chân phải. Sau đó, tôi đã bị một tên VC nổ súng bồi thêm để chắc chắn kết liễu được mạng sống của tôi. May mắn, tôi thoát chết khi đạn trượt qua sườn bên trái của tôi, chỉ làm cháy phỏng da. Dù bị thương nặng, tôi còn giữ được khẩu súng AR 15, mới được đưa qua thí nghiệm, khi TQLC còn dùng Garant, Carbine... Tôi nằm yên chờ trong đêm tối đến khi VC rút đi yên ắng.

Dưới ánh sáng lập lòe của trái sáng thả từ máy bay vào vùng, tôi lần mò trong rừng rậm, nhắm hướng làng Bình Giả bò tới. Tôi đã thử đứng lên nhưng không được do hai vết thương xuyên đùi bên phải. Suốt thời gian súng nổ trên đầu, tôi chưa thấy sợ hãi là gì. Đầu óc của tôi còn rất tỉnh táo, nhưng không hề thấy đau đớn vì quá bận tâm làm sao sống sót gặp quân bạn. Lúc quì gối bắn VC, khi chưa bị thương, tôi bị một phát đạn khoét qua bắp chân phải. Thấy có nước ấm chảy xuống chân, tôi chỉ đưa tay sờ qua. Máu đỏ đã ướt bàn tay, nhưng tôi cũng mặc vì VC đang xung phong trước mắt.

Đến khi Đại Uý Peter Cook, sĩ quan TQLC Hoa Kỳ, từ Sư Đoàn 3 TQLC/ HK bên Okinawa qua quan sát mặt trận, bị đạn trúng đạn vào đùi, bò đến gần, tôi liền lấy miếng băng cá nhân xiết chặt vết thương cho ông ta. Lúc ấy, tôi là Trung uý Đại Đội Trưởng ĐĐ1 của TĐ4 TQLC, vừa lên 25 tuổi đời. Liền sau đó, tôi gọi người lính cận vệ, là Binh I Nguyễn Văn Hai, chỉ hướng và ra lệnh cậu này dìu Đại Uý Cook về làng Bình Giã, theo đường rừng.

…

Trong đêm tối mù mịt giữa núi rừng, chỉ còn tiếng côn trùng kêu rả rích, tôi bò xuyên cây cỏ rậm rạp, về hướng làng Bình Giả, dưới ánh hỏa châu. Khẩu súng AR 15 đã được lên đạn và khóa an toàn. Nếu bị địch phát giác tôi phải hạ ít nhất một tên.

Độ một tiếng đồng hồ sau, tôi chợt gặp một đường mòn. Đã khá mệt nên tôi bò theo đường mòn một lúc, cho tới khi bắt gặp một gói cơm vắt trong bao vải. Tôi đoán là của bọn VC đánh rơi khi lên bao vây. Sực nhớ con đường mòn dẫn về phía Tây Nam, tôi vội rời khỏi con đường, băng rừng bò về phía làng Bình Giã, ở hướng Tây. Có lẽ khoảng nửa đêm, tới một con suối nhỏ nước cạn dưới chân đồi, tôi nằm lại ăn hết gói cơm vắt rồi cúi đầu uống nước suối. Sau đó tôi cởi áo, một tay nâng khẩu súng khỏi mặt nước, rồi dùng một chân và một tay bò xuyên qua con suối.

Tiếp tục bò lên ngọn đồi, một lúc tôi chợt nghe nhiều tiếng bánh xe bò lọc cọc, văng vẳng trong đêm tối, tôi bò sát gần đường có dấu xe bò, nằm lại nghe ngóng. Không bao lâu, một đoàn xe bò nối đuôi nhau, đi về hướng Tây Nam, với một số lính VC hộ tống. Dưới ánh sáng hỏa châu, tôi thấy trên xe chất đầy xác chết lên tận nóc thành. Có lẽ là bọn VC tử thương trong trận Bình Giã. Tôi đếm được 6 chiếc xe bò. Từ đó tôi nằm thiếp đi một lúc. Khi tỉnh giấc trời còn mờ sáng.

Thế là tôi tiếp tục bò về hướng Bình Giã. Ngoài bìa rừng là một bải cỏ lau cao quá đầu người. Nhìn xa lên phía đồi cao tôi thấy hàng rào làng Bình Giã cuối tầm mắt. Trên không trung, chiếc máy bay quan sát L19 đang đảo qua, đảo lại. Quanh vùng nghe yên lặng. Chắc phe ta đã làm chủ tình hình. Tuy thế tôi vẫn thủ thế, bò từng khúc ngắn. Có khi mệt quá, tôi nằm gục xuống thiếp đi, nhưng luôn thủ chặt khẩu AR15 trong tay. Tôi không nghĩ nhớ đến ai ngoài người Mẹ yêu dấu của tôi đã qua đời khi tôi lên 9 tuổi. Tôi nhớ những người lính gan dạ và thiện chiến của tôi đã ngã gục ngày hôm trước. Họ đã từng sống chết bên tôi trong lửa đạn.

Cứ thế lại qua một đêm. Tôi không dám bò ra phía đường sợ VC còn ở lanh quanh. Dù không ăn uống thêm một ngày, với ba vết thương trên người, tôi vẫn vững chí hướng về Bình Giã. Nhất định tôi phải sống. Thời gian lặng lẽ trôi qua. Cố sức bò đến gần cổng Đông làng Bình Giã rồi dừng lại, vì tôi không dám vào sát hơn sợ bị bắn do ngộ nhận. Sau đó quá nửa đêm tôi bò xuyên qua đường trải đá, lẩn vào khu vườn chuối, nằm nghỉ chờ đến sáng. Cuối cùng tôi gặp được quân bạn vào sáng ngày 3.1.1965. Tôi là người duy nhất sống sót vào ngày thứ ba sau trận đánh Bình Giã.

Đến nay đã hơn 52 năm trôi qua, tôi vẫn còn sống sót sau cuộc bể dâu, nước mất nhà tan, bị đọa đày qua nhiều trại giam khổ sai CS. Tôi không chỉ viết lại cho con cháu mà cho cả các thế hệ Việt Nam sau này, muốn nhìn lại lịch sử để rút ra bài học cho chính mình. Tôi đã kể lại tất cả điều này, trong cuộc phỏng vấn với nhà nữ đạo diễn phim tài liệu Hoa Kỳ Lynn Norvick, trong tập phim The Vietnam war, trình chiếu trước công chúng vào trung tuần tháng 9 năm 2017, để vinh danh cuộc chiến đấu chống Cộng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

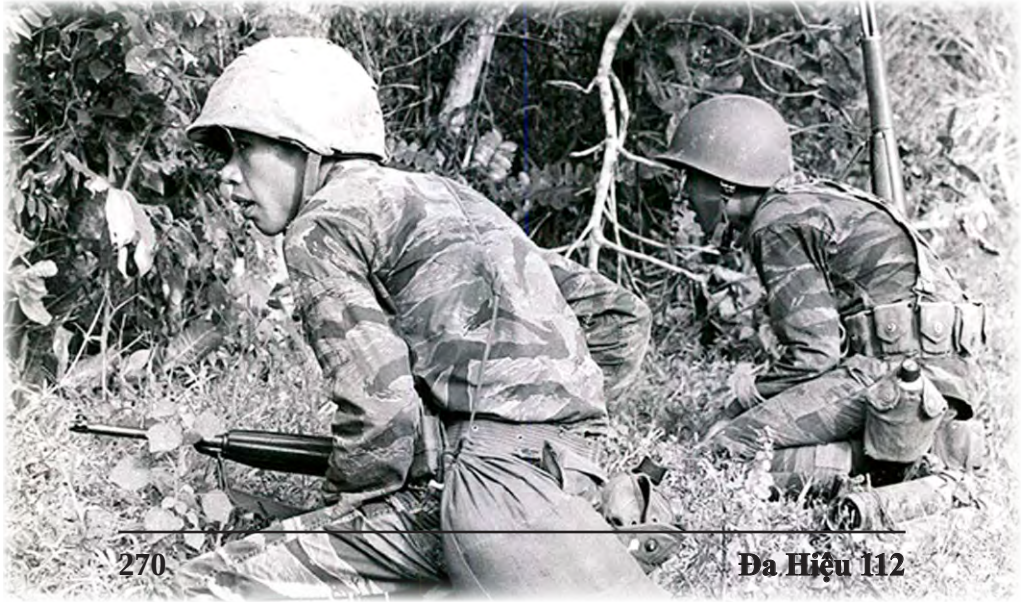

Tôi và… Thông Dịch Viên

Hạ Bá Trung, K10

Dù là bậc đức hạnh, đạo mạo như Đức Khổng Phu Tử mà đọc cái tiêu đề dễ ghét của bài viết, chắc chắn cũng phải nhếch mép, mỉm cười than là, "Sao nhân tình thế thái dưới trần gian này ham cái "tôi" quá vậy!"

Nước Việt mình với bốn ngàn năm văn hiến, dưới ảnh hưởng của Phật Giáo, coi cái ngã là hư cấu, còn cái tôi là không có thực; dưới ảnh hưởng của Lão Giáo, mà người nghe chỉ nói đến tên mình thôi thì ta cứ lẳng lặng ra suối mà rửa tai cho sạch; còn dưới ảnh hưởng của Công Giáo, vị tha là đức tính hàng đầu của các con chiên của Chúa, lẽ nào còn nói đến cái tôi ư!

Vậy mà tiêu đề bài viết, "Tôi và… Thông Dịch Viên" thì "cái tôi" này, nếu không phải nổi danh như một vĩ nhân, thì ít nhất cũng là một lãnh tụ anh minh, kiệt xuất.

Xin thưa! Sở dĩ nói "cái tôi" ở đây là muốn nói đến Trường Sinh Ngữ Quân Đội (TSNQĐ). Cũng ở ngôi trường này, các thông dịch viên được đào tạo để trở thành các chuyên viên của một chuyên ngành mới mẻ của Quân Lực VNCH, rất cần thiết trong chiến trận chống Cộng Sản xâm lược, với sự góp mặt của quân đội Đồng Minh. Sự trở ngại ngôn ngữ là một đe dọa có thể giết lầm người dân vô tội ở vùng hành quân vì bọn quỷ đỏ CS cũng là người Việt và sống lẫn lộn như những người dân bình thường.

Trường Anh ngữ QĐ được thành lập vào cuối năm 1958 do Đại Úy Phạm Hữu Khoát làm chỉ huy trưởng đầu tiên. Sau này, trường có mở thêm lớp dạy tiếng Việt cho quân nhân Hoa Kỳ, vài lớp thổ ngữ của các dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên Trung Phần, nên mới đổi tên là TSNQĐ. Tuy nhiên, 98% chương trình là dạy Anh Ngữ.

Tiêu chuẩn được tuyển dụng của trường là các sĩ quan của Quân lực VNCH có văn bằng Proficiency in English của đại học Michigan, Hoa Kỳ; hay Proficiency in English của Đại học Cambridge, Anh Quốc; và các sĩ quan đã làm thông dịch viên cho các sĩ quan quân lực VNCH theo học lớp bộ binh căn bản ở Fort Benning, Hoa Kỳ. Vì mục đích của TSNQĐ là đào tạo các sĩ quan du học Hoa Kỳ có khả năng nghe và nói những câu thông dụng trong đời sống hàng ngày, nên bốn kỹ năng cần có cho việc học một ngôn ngữ là: kỹ năng nghe hiểu (listening comprehensive), kỹ năng nói (speaking ability), kỹ năng đọc hiểu (reading comprehensive), và kỹ năng viết (writing ability). Riêng kỹ năng viết chỉ cần thiết cho việc thi lấy bằng ở đại học.

Vì vậy, các văn bằng ở đại học Việt Nam không đáp ứng nhu cầu của trường là dạy nghe và nói tiếng Anh với accent (trọng âm) Mỹ và nói tiếng Anh theo intonation (ngữ điệu) Mỹ.

Người Anh nói tiếng Anh khác với người Mỹ nói tiếng Anh. Tuy nhiên, họ hiểu nhau dễ dàng. Cũng một câu nói ở Hà Nội nói tiếng Việt khác với người Nghệ Tĩnh nói. Họ có thể nghe hiểu nhau, nhưng có phần khó khăn. Bây giờ, khi một người Mỹ, học tiếng Việt với người Hà Nội, nói tiếng Việt với người Nghệ Tĩnh chắc chắn người này không thể hiểu được. Ngược lại cũng vậy.

Đó là tình trạng Anh Ngữ vào đầu năm 1960 tại Sài Gòn. Học viên Anh Ngữ không có cơ hội học hỏi, giao tiếp với người Mỹ chính gốc mà phải học qua các giáo sư người Việt,

hay giáo sư người Anh ở đại học. Đến khi giao tiếp với người Mỹ, chuyện họ không hiểu nhau là chuyện đương nhiên.

Đó cũng là lý do tại sao vào cuối năm 1965, ba anh em chúng tôi -Trung, Đức, và Tuyến- ở TSNQĐ giữa Sài Gòn hoa lệ, nhìn ánh đèn màu, nghe nhạc trầm bổng thì vì nhu cầu quân đội được thuyên chuyển ra vùng lửa đạn địa đầu giới tuyến Vùng 1 chiến thuật, để "*đêm đêm nhìn hỏa châu rơi và nghe tiếng đạn nổ đâu đây vọng về thành phố*." (1)

Tôi có bằng Proficiency in English nên được các khóa sinh sĩ quan ưa chuộng hơn, vì giảng dạy có bài bản hơn, có phương pháp sư phạm hơn.

Từ đầu thập niên 1960, kế hoạch gửi sĩ quan du học tại Mỹ càng ngày càng đông đảo. Ngoài số sĩ quan hiện hữu, Trường tuyển dụng các sinh viên vừa du học về, từ các nước Mỹ, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan có văn bản cử nhân, vào ban giáo sư của trường. Cũng vì các cô kiều nữ giáo sư này mà các sĩ quan giáo sư không khỏi sượng mặt. Vì thế, chúng tôi bèn rủ nhau đi lấy bài (cours) về học lại. Trung úy giáo sư chỉ là cậu Tú, trong khi các kiều nữ giáo sư là cô Cử. Không được, nghe mất mặt bầu cua cá cọp.

Các giáo sư chỉ dạy 4 giờ một ngày, nên còn 3 tiếng còn lại ở trường không có việc làm chính thức nên thật thoải mái dùng thời gian này để dùi mài kinh sử. Vào cuối giờ học, Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng thường đảo qua phòng giáo sư xem có tên trung úy trẻ tuổi nào nhảy dù bát phố trước giờ tan sở không? Ông chỉ thấy chúng tôi người thì đọc sách, người thì ghi chép. Ông ta tỏ vẻ hài lòng vì tưởng là chúng tôi đang soạn bài giảng dạy cho ngày hôm sau.

Đêm đêm, tôi thường thức khuya để học. Có hôm, bà xã tôi một tay bế con nhỏ, một tay cầm tách cà phê nóng hổi ra, đặt trước mặt tôi, rồi đứng lặng lẽ nhìn tôi vừa nhâm nhi cà phê vừa học, rồi hỏi, "Thế hôm anh đi thi, anh có ôm con đi theo không?" Tiếp theo sau là chuỗi cười nhẹ trong trẻo vang lên

nghe như tiếng ngọc gieo trên đĩa. Bị chọc quê, tôi liền phản pháo, "Không, anh chỉ cùng đi với một mỹ nữ của trường Trung Học San Maria, ở Hà Nội mà thôi. Cho các thầy giám khảo chiêm ngưỡng, đứng tim, chết luôn." Bà xã tôi khẽ hừ một tiếng, đá nhẹ vào chân tôi, rồi lặng lẽ ôm con quay về phòng ngủ. Đêm đó trăng thanh gió mát, lệnh cấm trại để tôi học thi được hủy bỏ…

Năm đó, thi sĩ Hà Huyền Chi, trung úy Nhảy Dù - Khóa 14 Võ Bị Đà Lạt, đang học ở lớp do tôi giảng dạy. Hai niên

Tác giả và Đại Tá Trần Quang Khôi, K6, ở Trường Đại Học Chỉ Huy và Tham Mưu tại Leavenworth, Kansas, năm 1973 (từ trái).

trưởng, niên đệ cùng rủ nhau đi thi Tú Tài 2 (Tú Tài Toàn Phần, Ban Triết). Vào Kỳ Một (Première session), hai anh em rớt nghe cái bịch đau cả người. Tuy nhiên, vào Kỳ 2 (Deuxième session), cả hai anh em chúng tôi đều đậu nhờ tôi hăng hái hô theo Hà Huyền Chi, "Nhảy dù cố gắng".

Từ đó nhóm chúng tôi cứ Première session đi thi ở Văn Khoa, Ban Anh Văn; Deuxième session đi thi ở Luật Khoa. Chúng tôi đậu được các chứng chỉ về cử nhân Anh Văn chẳng có gì khó khăn, nhưng ở Khoa Luật thì có người đậu, người rớt. Ngoài ra, cũng có người lọt vào danh sách sinh viên Cao

Học Luật (Master).

Sau này ra ngoài xã hội dân sự, nhóm TSNQĐ chúng tôi cũng có chút địa vị, như: Nguyễn Hải Bình, thứ trưởng kinh tế trong Chính Phủ Nguyễn Cao Kỳ; Vĩnh Ninh, đại sứ tại Anh Quốc, dưới thời Tổng Thống Thiệu; Nguyễn Cao Chính, giám đốc hãng xăng ESSO, tại Cần Thơ.

Còn tại ngũ tới năm 1975, Đại Tá Nguyễn Thọ Đan làm sĩ quan tùy viên cho đại tướng Westmoreland, Tư Lệnh MAC-V (Military Assistance Command - Vietnam), kiêm nhiệm Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh tham chiến ở Việt Nam chống CS xâm lược, gồm có 6 quốc gia: Hoa Kỳ, Đại Hàn, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Thái Lan, và Phi Luật Tân; Đại Tá Huỳnh Vĩnh Lại, chánh văn phòng của Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân lực VNCH; Trung Tá Nguyễn Văn Lạc, giáo sư dạy tiếng Việt ở đại học Hawaii, Hoa Kỳ. So với các bạn cùng lứa, "cái tôi" của tôi thất bại thê thảm quá!

Lớp tuổi trẻ, khoảng 18 đến 22 tuổi, gia nhập các lớp thông dịch viên đầu tiên là thành phần ưu tú, có học vấn. Đa số có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, nên họ tuân theo đời sống kỷ luật trong quân ngũ một cách nghiêm chỉnh, có một chút kiêu ngạo của ngựa non háu đá nên thích phiêu lưu mạo hiểm. Chịu ảnh hưởng sâu đậm các phim điện ảnh về chiến tranh, đám thanh niên này hăm hở đứng trong hàng ngũ của một quân đội danh tiếng nhất thế giới, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, cũng như vừa tìm môi trường để phát huy sở học Anh Ngữ.

Sau 4 tuần huấn luyện quân sự căn bản tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, đám thanh niên này được gửi tới TSNQĐ, qua chương trình học tập 4 tháng về thực hành Anh Ngữ. Mỗi chiều thứ Sáu hàng tuần, họ được tập hợp trong hội trường, để được nghe thuyết trình về các vấn đề liên quan tới "cách xử thế với quân đội bạn, cách gìn giữ an ninh bảo mật, cách khai thác lời khai của tù binh Việt Cộng…"

Trở lại năm 1960, dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa do Tổng

Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo, người dân miền Nam được sống trong thanh bình, hạnh phúc. Ở Sài Gòn, chỉ với đồng lương trung úy thôi, với sự chi tiêu dè sẻn của bà xã, tôi nuôi đủ bố mẹ, vợ con, và một người giúp việc trong nhà. Chỉ ở cấp bộ, nha sở trong chính phủ, hay đơn vị cao cấp trong quân đội mới có cố vấn Mỹ. Thời đó, các cố vấn này rất hòa nhã, dễ thân thiện; vì miền Nam, dưới thời Tổng Thống Diệm, là một nước có chủ quyền. Vị cố vấn ở TSNQĐ, Tiến Sĩ A. J. Rutherford, là một trong số những người này.

Đó là thời gian TSNQĐ dùng bộ "English for Today" cho khóa học 4 tháng, 6 giờ một ngày. Sau nhiều khóa học theo bộ sách này, lúc kiểm soát kết quả cuối khóa thì thấy việc học tập không đáp ứng nhu cầu cho các sĩ quan du học. Tới khi Trường chuẩn bị tiếp nhận huấn luyện các khóa Thông Dịch Viên, Tiến Sĩ Rutherford mới quyết định soạn thảo một phương pháp giáo dục khác, đặt trọng tâm vào những câu nói thực dụng hàng ngày. Không như cuốn 1 của bộ "English for Today", học cả tháng trời vẫn chỉ có mấy câu, "This is a table." hay "That is a chair." Toàn những ngữ vựng về học đường. Mỗi cuối tuần, Tiến Sĩ Rutherford thường mời mấy giáo sư chúng tôi góp ý kiến về cách giảng dạy đã được cải tiến. Cuối cùng chương trình huấn luyện mới được hoàn thành với các môn học rất hữu dụng, đáp ứng được nhu cầu trang bị cho các sĩ quan du học và thông dịch viên hai kỹ năng: nghe và nói. Sau này, qua nhiều năm giảng dạy Anh Ngữ, tôi thấy là, người Anh nói tiếng Anh khác với người Mỹ nói tiếng Anh vì người Mỹ nói tiếng Anh với accent (trọng âm) Mỹ và theo intonation (ngữ điệu) Mỹ.

Do đó, môn Phát Âm (Pronunciation) dạy về các trọng âm (accent) và môn Ngữ Điệu (Intonation) thì căn cứ vào chữ nhấn của câu (sentence) và âm nhấn của chữ (word) là hai môn học độc đáo của trường.(3)

Dưới đây là một câu chuyện mà người viết không bao giờ quên được.

Hôm đó, tôi đứng lớp dạy thông dịch viên cách phát âm. Bài học dạy về cách phát âm hai chữ "th" ở đầu từ ngữ, như: this, that… Muốn phát âm phụ âm này, ta phải thè đầu lưỡi ra giữa hai hàm răng, cắn chặt, rồi thụt lưỡi vào mới phát âm đúng được.

Sau một giờ thực tập, nghe chuông reo hết giờ, tôi mới vừa bước ra ngoài phòng học thì nghe một người vừa cười, vừa nói, "Oh my God! Học tiếng Anh tiếng U gì mà lưỡi cứ thụt ra thụt vào, còn mệt hơn tao hôn con bồ nhí nữa." Cả lớp cười ầm lên như muốn sập nhà.

Kiều Nữ Giáo Sư Mỹ Linh và Cẩm Tú, phụ trách môn Phát Âm (từ trái).

Tới khi tôi được bổ nhiệm làm phụ tá huấn luyện viên cho chỉ huy trưởng TSNQĐ, đặc trách các lớp Thông Dịch Viên, tôi mới thêm vào chương trình môn Thông Dịch cho đúng với ngành nghề.

Khóa sinh học giờ thông dịch đều rất hứng khởi vui nhộn vì coi như được xem kịch. Vào giờ thông dịch, giáo sư lãnh vai người Mỹ, một thông dịch viên, một học viên khác đóng vai người bản xứ như xã trưởng, hoặc tù binh VC. Giáo sư nói một câu tiếng Anh, thông dịch viên dịch ra tiếng Việt. Xã trưởng trả lời tiếng Việt, thông dịch viên dịch ra tiếng Anh. Khi thông dịch viên gặp chữ khó nghĩ chưa ra, miệng thường lắp bắp, mặt thần ra, đem lại các trận cười ầm ỹ cho các bạn cùng lớp.

Trở lại những năm 1969 và 1970, chiến trận ở Vùng 1 Chiến Thuật thường xảy ra ác liệt ở cấp sư đoàn. Tuy nhiên, với sự tiên liệu của vị Tư Lệnh Quân Đoàn, các trận đánh chỉ xảy ra

ở vùng biên giới, xa thành thị. Vì thế, công trạng của những người lính Cộng Hòa, bảo vệ được thành thị đông đảo dân cư, các kiến trúc cao cấp tiện nghi, cần phải được ghi nhận. Nhìn cảnh các thành phố đổ vỡ, dân chúng bồng bế chạy loạn ở các nước Hồi Giáo như Syria, Iraq, trên màn ảnh truyền hình, mới thấm thía được nỗi bất hạnh của người dân Hồi Giáo. Họ đã không có một quân đội anh hùng, như quân đội VNCH, dám hứng chịu tổn thất nặng nề để bảo vệ hạnh phúc cho người dân.

Những năm đó, thị xã Đà Nẵng ở Vùng 1 Chiến Thuật rất náo nhiệt vào những ngày nghỉ cuối tuần. Đường phố tràn đầy những người lính chiến. Quân ta cũng có, quân nước ngoài cũng có. Nếu ta thấy một đám dăm ba anh lính Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ (TQLC/ HK) cùng một người lính Á Đông, đầu đội nón sắt 2 lớp, bọc lưới ngụy trang, quần áo 4 túi rộng thùng thình, mà trong túi người nào cũng có một cây thuốc Pall Mall, hoặc cái đồng hồ đeo tay hiệu Seiko của Nhật mới toanh còn trong hộp, chân đi giày "jungle boots" hai màu đen và cỏ úa, mặc áo giáp chống đạn, vai đeo súng M16, mặt mũi râu ria xồm xoàm, miệng phì phèo điếu thuốc lá, thì đó đúng là chân dung một thông dịch viên do TSNQĐ đào tạo.

Có một chút gì chua xót trong lòng! Tuy nhiên, tôi tự an ủi là, người xưa dạy rằng, "Nhập gia tùy tục. Đáo giang tùy khúc." Chẳng lẽ cứ để con thuyền leo lên bờ cát mà đi ư?

Các cây thuốc lá, hay đồng hồ đeo tay sớm muộn gì cũng chạy ra chợ Cồn để mấy anh bạn Đồng Minh sáng đến các tiệm ăn địa phương để thưởng thức các món ăn bản xứ, trưa đến la cà các "snack bar" nhậu nhẹt, dưới ánh đèn mờ, nghe nhạc xập xình, uống bia ừng ực, nhả khói mịt mờ, và ngắm nhìn các cô tiếp viên xinh đẹp, để quên đi sự sống và cái chết ở chiến trường, chỉ cách nhau một sợi tóc mong manh.

Đi tìm một nụ cười…, kể lại chuyện ngày xưa.

Trên đường về trở lại Đà Nẵng từ Huế; xe Jeep của tôi, do

Trung Sĩ Nhất Hậu lái, vượt qua con đèo Hải Vân quanh co, mãi tới trưa mới qua chân đèo ở vùng Phước Tường. Anh Hậu dừng xe lại, nói, "Thiếu Tá cho tôi vào đổ xăng…" Tấm bảng trên cổng cho biết đó là hậu cứ của Pháo Binh TQLC/ HK. Thường những căn cứ lớn này có cây xăng riêng của đơn vị.

Trên kính phiá trước xe Jeep của tôi có dán huy hiệu Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III Thủy Bộ/ TQLC/ HK (MAF- Marine Amphibious Forces), nên được quyền ra vào các căn cứ Mỹ và có thể đổ xăng bất cứ bồn xăng nào của quân đội Mỹ.

Trong khi anh Hậu đổ xăng, tôi lững thững đi vào phòng trực, yêu cầu cho tôi tới phòng rửa mặt, vì đường xa bụi bặm. Viên trung sĩ Mỹ trực lễ độ dẫn đường. Khi nhìn thấy bảng trên cửa phòng đề, "The Shower", phía dưới là, "Phòng Mưa Rào", tôi thầm nghĩ dịch gì mà lạ vậy. Ở chung quanh phi trường Đà Nẵng, cũng như vô số căn cứ tiếp vận của Mỹ, nơi nào cũng có nhân công người Việt. Do đó, mọi nơi đều có bảng chỉ dẫn tiếng Việt.

Rửa mặt xong, tôi yêu cầu viên trung sĩ trực dẫn tôi đi quanh doanh trại kiểm soát các bảng Việt Ngữ. Các bảng khác tương đối đúng nghĩa. Nhưng khi đến dãy nhà hai tầng, là phòng ngủ của binh sĩ TQLC/ HK, tôi thấy gian phòng đầu tiên treo bảng, "The Head" và dưới là, "Phòng Đầu Não". Tôi không dằn được sự bực bội trong lòng bèn nói với người trung sĩ trực cho tôi được gặp người thông dịch viên. Anh ta trả lời là hậu cứ của anh ta không có thông dịch viên, mà phải đến Bộ Tư Lệnh Đệ Nhất Không Đoàn/ Không Quân TQLC/HK, ở gần đó nhờ thông dịch dịch hộ. Tôi cũng có biết nhiều bạn bè Mỹ ở Không Đoàn này, vì Bộ Tư lệnh Quân Đoàn 3 MAF ủy quyền cho tôi ký các mẫu in (form) được đi máy bay quân sự Mỹ cho các sĩ quan Liên Lạc Đồng Minh, thông dịch viên, và cả gia đình của họ, mỗi khi đi phép hàng năm để họ trở về cho đúng ngày giờ ấn định.

Tới khi một trung sĩ đứng nghiêm chào, hô: "Trung Sĩ

Thông Dịch Viên Khổng A Sĩ trình diện Thiếu Tá."

Tôi bật cười vì tôi quá biết anh Trung Sĩ người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn này. Chắc anh là con cháu 70 đời của Đức Khổng Phu Tử. Anh đã làm chúng tôi cười bể bụng trong những giờ thông dịch ở TSNQĐ.

Hôm đó, tôi cho tất cả các khóa thông dịch viên tập họp ở hội trường. Tôi đã cho rút thăm lấy năm thông dịch viên trong hơn trong tổng số 100 người có mặt để xem người nào làm được thông dịch viên cho Tiến Sĩ Rutherford và tôi. Năm người thông dịch năm để tài khác nhau, chừng 15 phút. Một trong 5 người được chọn là Khổng A Sĩ.

Trung Tá Hạ Bá Chung, 1974

Đến lượt Khổng A Sĩ. Khi Tiến Sĩ Rutherford nói, "The hammock is really needed for an operation in the jungle."

Anh Sĩ dịch, "Cái giường treo rất cần thiết cho cuộc hành quân ở trong rừng." Cả hội trường cười ồ lên khoái chí. Tôi cũng phải ngoảnh mặt đi để che dấu nụ cười. Anh Sĩ mặt mày ngơ ngác vội đưa tay vào túi quần sau lưng lấy ra cuốn từ điển Oxford, loại bỏ túi; lật đến trang có chữ "hammock", nhìn kỹ lại, rồi đưa quyển tự điển cho tôi, nói, "Thưa Đại Úy, tôi đâu có dịch sai." Tôi, nhìn vào chữ "hammock" thấy giải nghĩa "hanging bed", bèn trả lời, "Dịch không sai, nhưng chưa đúng tiếng Việt."

Trở lại ngày kiểm tra các bảng Việt Ngữ ở hậu cứ Pháo Binh TQLC/HK ở Phước Tường. Ngay sau đó, tôi đã tìm ra được lời giải.

Té ra anh thông dịch viên người Hoa này, khi tắm chỉ vặn

vòi nước chảy vào chậu, rồi múc nước bằng gáo để tắm, có bao giờ nhìn thấy cái vòi hoa sen trong buồng tắm của những người giàu có ở Sài Gòn đâu, mà hình dung ra được cái vòi hoa sen phun nước ra như mưa rào. (The shower).

Còn chữ "The Head", dù anh ta có tìm 100 cuốn tự điển, cũng không tìm được chữ đúng nghiã của nó, vì gian đầu của các phòng ngủ của binh sĩ TQLC/HK trong doanh trại của họ là phòng "Restroom"./.

Fremont, ngày 27-10-2017

Chú Thích:

(1) Xin đọc bài "Tướng Lãm và Tôi" đăng trong Tập San Đa Hiệu số 111.

(2) Ngoài xã hội dân sự, CSVSQ Hạ Bá Chung là cựu giáo sư Hội Việt-Mỹ, Giám Đốc Trường Anh Văn Tinh Hoa tại Đà Nẵng trước 1975.

(3) Tỉ như người Mỹ nói, "The man has gone to the cafeteria." Ta chỉ nghe rõ 3 trọng âm man/mæn/, gone /gɔn/, và cafeteria /kæfi'tiəriə/. Từ ngữ /kæfi'tiəriə/, ta chỉ nghe rõ trọng âm /'ti/, đó là intonation.

Nói đơn giản, khi nói người Mỹ chỉ phát âm rõ những từ ngữ có nghiã như "đàn ông" "đi", "quán cà phê". Còn những chữ vô nghiã thì đọc lướt mà ta cho là họ nuốt chữ./.

DÒNG MÁU LẠC HỒNG

Minh-Nguyệt K17/1
(Nam Sinh Tín)

Hôm nay tôi dậy sớm, chuẩn bị đi họp cùng các anh em để phân công cho những buổi tổ chức sinh hoạt xã hội và đại hội sắp tới. Còn khoảng hai tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ hẹn nên như thường lệ, sau khi uống ly cà phê nóng buổi sáng, tôi đi ra vườn làm những động tác thể dục, giãn gân cốt. Bầu trời trong xanh với những làn mây trắng lơ lửng chứng tỏ hôm nay sẽ là một ngày rất đẹp. Nhìn những bông hoa đủ màu sắc nở rộ dưới nắng ấm ban mai, tôi cảm thấy thật sảng khoái với những làn gió thổi nhẹ phớt trên vai.

Vừa bước từ vườn vào nhà thì chợt nghe có tiếng chuông cửa reo, tôi đi ra ngoài xem có ai. Thì ra là người đưa thư. Ông ta mang một bưu kiện đến và yêu cầu tôi ký nhận. Địa chỉ của người gửi là của con tôi ở miền Đông tuyết lạnh. Tôi mang bưu kiện vào nhà và mở ra xem. Bên trong là bức tượng người lính Việt Nam Cộng Hòa đội nón sắt và cầm súng, cao khoảng 40 phân, và đúc bằng đồng rất tinh vi. Tôi đặt bức tượng lên bàn và thích thú ngồi ngắm một lúc. Sau đó tôi mở tấm thiệp chúc mừng nhân dịp Lễ Cha, và đọc lá thư gửi cho tôi.

Kính gửi Ba,

Nhân dịp Lễ Cha, con xin gửi quà và thiệp, kính chúc Ba luôn được an vui. Con cũng đính kèm một bài mà con đã viết, tuy sẽ khơi lại ký ức khó quên và quá khứ đau buồn của đời binh nghiệp mà Ba đã trải qua; nhưng con hy vọng rằng, sau khi đọc, Ba sẽ thấu hiểu được cảm nghĩ và tâm nguyện của con.

* * *

BA TÔI - NGƯỜI CHIẾN SĨ VNCH

Ba của tôi là một cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Tôi rất kính trọng ba tôi, người cha đã nuôi nấng, thương yêu, và dạy dỗ tôi nên người. Thuở tôi còn thơ ấu, BA thường bồng bế tôi, cho tôi ăn và kể chuyện cho nghe, nhất là về cổ tích và lịch sử của quê hương tôi. Tôi rất gần gủi kề cận bên BA, vì thế tôi biết rõ về đời binh nghiệp mà BA đã trải qua.

Tôi còn nhớ hồi xưa, BA phục vụ trong một căn cứ của quân đội VNCH, ở ngay trong thành phố Saigon. Trước khi BA đi làm, tôi thường ở bên cạnh nhìn BA đứng ngắm trước gương soi. Tôi luôn thấy BA ăn mặc chỉnh tề trong bộ quân phục mà mẹ tôi đã ủi thật thẳng. Đôi giầy lính bốt đờ sô (botte de saut) lúc nào cũng được BA đánh bóng láng. Chỉ vỏn vẹn có ba người trong gia đình tôi, BA thì đi làm, mẹ tôi ở nhà quán xuyến nội trợ và chăm sóc tôi, nên gia đình của tôi sống rất hạnh phúc.

Nhưng có một ngày, BA nhận được sự vụ lệnh đi hành quân. Trước khi đi, BA đã ôm ghì lấy tôi vào lòng thật lâu, rồi từ giã mẹ tôi để lên đường, mà không hẹn ngày về. Vì còn nhỏ nên tôi đã hỏi mẹ tôi rằng:

- BA đi hành quân là gì hả mẹ?

- BA đi chiến đấu để bảo vệ quê hương. Mẹ tôi đã trả lời.

Thời gian BA không ở nhà, mẹ tôi đã buồn và lo lắng; còn tôi vì nhớ BA nên đã khóc rất nhiều. Thấm thoát trong nhiều năm liên tiếp, BA cứ đi hành quân mấy tháng thì lại về nhà nghỉ vài ngày phép. Dạn dầy vì sương gió khi đi theo đơn vị nay đây mai đó, da của BA đã sạm đen đi nhiều vì bị cháy nắng. Nhưng BA trông khoẻ khoắn và trở nên rắn chắc hơn xưa. Bộ quân phục của BA không còn thẳng nếp giống như hồi nào, mà rất nhăn nheo và bạc màu, trong khi đôi giầy lính

bốt đờ sô bị dính đầy bụi và bùn lầy. Mỗi lần được nghỉ phép về nhà, BA thường mang những cánh hoa rừng về tặng cho mẹ tôi. Mẹ tôi đã đem ép hết những bông hoa vào sách để làm kỷ niệm.

BA luôn có những mẫu chuyện ngoài chiến trường để kể lại cho cả nhà nghe, những lần xông pha ngoài tiền tuyến để chiếm được mục tiêu, với những nỗi lo sợ trước những nguy hiểm cận kề, hoặc những niềm đau buồn thương tiếc khi chứng kiến những mất mát của những người lính cùng đơn vị. Khi BA kể về những thành tích chiến thắng, đôi mắt của BA rực sáng lên như hoả châu, như đang hãnh diện hồi tưởng lại thời khắc hiên ngang và oai hùng cùng các bạn đồng đội vào sinh ra tử. Tôi thường trố mắt chăm chú nghe BA kể lại mà lòng rất thán phục. Tôi lớn lên với tình thương yêu của BA dành cho tôi. BA luôn là một anh hùng và mãi mãi là một "thần tượng" trong lòng tôi.

Bỗng biến cố ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã xảy ra cho quê hương Việt Nam thân yêu. BA đã bị bắt và bị đưa đi tù ở mãi miền Bắc Việt. Tôi rất bất mãn và căm thù họ, những người mà mẹ tôi gọi là Cộng Sản. Một người lính suốt đời hy sinh cho tổ quốc và bảo vệ giang san như BA mà lại bị mang tội và bị giam giữ trong ngục tù như thế. BA đã bị đầy ải từ thể xác lẫn tinh thần, thân hình gầy còm ốm yếu. Khi không có BA ở bên cạnh, tôi đã mất mát rất nhiều, kể cả vấn đề học vấn của tôi cũng bị gián đoạn.

Mẹ tôi đã rất vất vả, một mình vừa phải nhọc nhằn kiếm kế sinh nhai để nuôi tôi, vừa phải băng rừng lội suối đi thăm nom BA ở một nơi rất xa xôi, khó khăn và hiểm trở. Bởi vậy, BA luôn cố gắng đè nén nỗi đau khổ để an ủi vỗ về mẹ tôi. BA đã phải trải qua 12 năm trong ngục tù, ròng rã mười hai cuốn lịch đầy nước mắt và oán hận. BA đã phải chịu đựng mọi đàn áp, đoạ đầy và khổ nhục. Nhiều người lính khác đã không kham nổi vì đuối sức và đã bỏ mình nơi trại giam. May mắn thay BA đã chịu đựng được. BA vẫn giữ vững niềm tin và tinh

thần tự thắng, vì thế BA đã không bị khuất phục trước bạo tàn.

Ngày được thả tự do ra về, BA đã bị kiệt sức nên cần tĩnh dưỡng. Nhưng mẹ của tôi bỗng ngã bịnh nặng vì quá kham khổ, nên BA phải bắt đầu đi tìm việc làm. Khó khăn gầy dựng lại tất cả với hai bàn tay trắng, dù phải cực khổ đổ mồ hôi, BA cũng phải chấp nhận làm mọi công việc, những việc mà BA chưa hề làm bao giờ, mới kiếm được đủ ăn để sống qua ngày. Dần dần, đời sống của gia đình tôi cũng được tạm ổn. Tôi được tiếp tục đi học và sau đó xin được việc làm hầu giúp cho ba mẹ tôi nhẹ đi gánh nặng.

Thấm thoát thời gian trôi qua nhanh. Tôi đã trưởng thành và BA nay tuổi đã xế chiều và tóc đã bạc màu. Nhưng BA luôn giữ vững lập trường quốc gia và truyền đạt hết lý tưởng và kinh nghiệm cho tôi. BA luôn có nguyện vọng rằng các thế hệ trẻ sẽ tiếp tục phát huy con đường đấu tranh và nới vòng tay lớn. Tôi thầm nhủ lòng ghi nhớ những lời BA đã khuyên răn và dặn dò. Tôi cũng đã đọc và xem qua báo chí, truyền thanh và truyền hình, những tài liệu liên quan tới chiến tranh Việt Nam, trong đó có ghi chép những thành tích mà Việt Nam Cộng Hoà đã thực hiện được.

Tôi rất khâm phục, ngưỡng mộ, và ghi ơn tất cả các chiến sĩ VNCH đã từng hy sinh xương máu để bảo vệ cho quê hương. Là hậu duệ của VNCH, tôi không bao giờ chấp nhận CS. Là con cháu Dòng Máu Lạc Hồng, tôi sẵn sàng noi theo dũng khí của BA và tấm gương oanh liệt của các bậc tiền nhân và các anh hùng cứu quốc. Với tình hình hiện tại của đất nước, tôi nguyện dấn thân đấu tranh cho quê hương Việt Nam thoát khỏi ách độc tài CS, tranh đấu cho dân tộc Việt Nam sớm được dân chủ, tự do, no ấm, nhân quyền, và bác ái.

NOI GƯƠNG

Con mang dòng máu oai hùng
của người lính chiến đã từng hiên ngang
suốt thời niên thiếu dọc ngang

hy sinh bảo vệ giang san quê nhà

Con luôn hãnh diện về cha
một người lính đã xông pha sa trường
chiến đấu gìn giữ quê hương
phá làn súng đạn đuổi phường giặc gian

Biên cương cha đã tiến nhanh
xông pha cương quyết đuổi quân bạo tàn
hy sinh cực khổ gian nan
nêu gương hào khí cho đàn con thơ

Cha nay tuy tóc bạc phơ
vẫn luôn khuyên bảo con nhớ nằm lòng
gắng công bảo vệ núi sông
sao cho xứng đáng con Dòng Lạc Long

Mang danh Dòng Giống Tiên Rồng
con xin ghi khắc lời công sinh thành
nguyện lòng yêu nước thương dân
vì quê đất tổ xả thân không màng

Theo cha con đã sẵn sàng
luôn mang dũng khí của chàng chiến binh
đấu tranh xây dựng thanh bình
quê hương no ấm dân tình yên vui

Cha là gương sáng rạng ngời
soi đường dẫn lối con thời noi theo

* * *

Đọc thư xong, tôi rất xúc động và nhìn không chớp mắt vào bức tượng người chiến sĩ VNCH. Không gian chung quanh như chìm lắng xuống. Tôi ngồi yên lặng một hồi, rồi bình tâm lại. Tôi rất mãn nguyện vì biết rằng con tôi đã chọn con đường đấu tranh mà tôi hằng kỳ vọng. Ngoài kia, những tia nắng ban mai xuyên qua khung cửa kính gần chỗ tôi ngồi, lấp lánh rọi sáng vào bức tượng người lính VNCH, một món quà mang nhiều ý nghĩa.